

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2017/DS-ST
Ngày 14 - 12 - 2017
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Hoàng Đắc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Diệp
Ông Nguyễn Vũ Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Nga Muội – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:
Ông Dương Việt Khái – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2016/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2016 về việc “tranh chấp quyền sử dụng đất”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 228/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Mỹ L - sinh năm 1958
Địa chỉ: ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc N (Nguyễn Hữu N) - sinh năm 1965
Bà Phạm Thị N – sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Võ Thanh T – Trưởng văn phòng luật sư Võ Thanh Tùng, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Thanh S - sinh năm 1947

Địa chỉ: khóm X, phường Y, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

2. Nguyễn Thị H– 64 tuổi

Địa chỉ: ấp K, xã KH, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

3. Nguyễn Thị D - sinh năm 1954

Địa chỉ: ấp NC, xã TD, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

4. Nguyễn Ngọc S - sinh năm 1967

Địa chỉ: Phan Ngọc Hiền, khóm C, phường X, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

5. Nguyễn Thị Bé T - sinh năm 1964

Địa chỉ: khóm X, phường y, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

6. Nguyễn Phương Th - sinh năm 1960

Địa chỉ: khóm x, phường y, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

7. Nguyễn Thị Di - sinh năm 1951

8. Nguyễn Thị Tr - sinh năm 1992

9. Nguyễn Văn T - sinh năm 1972

10. Lê Thị Bích A - sinh năm 1984

11. Nguyễn Thế L - sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

12. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

13. Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời

Địa chỉ: khóm 9, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn và anh L có mặt, anh Nguyễn Văn T, chị Lê Bích A vắng mặt; các đương sự còn lại xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08-5-2013, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23-01-2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L trình bày:

Nguồn gốc đất của cha mẹ bà là Nguyễn Thành B và bà Lê Thị H để lại. Cụ B và H có 09 người con: Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Di, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Phương Th, Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Thị Mỹ L và Nguyễn Quốc N.

Năm 1999, cụ B chết. Năm 2012, cụ H chết. Năm 2000 cụ H lập di chúc cho Nguyễn Hữu N phần đất 7.000 m² tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (trong đó có 6.000 mét vuông đất nông nghiệp, 1.000 mét vuông đất vườn). Nghị được cấp quyền sử dụng đất từ năm 1993 và quản lý sử dụng đến nay. Trước khi cụ H chết có lập biên bản họp gia đình và di chúc giao cho bà đứng tên toàn bộ phần đất có diện tích 35.480 m² bà canh tác sử dụng cho đến nay.

Năm 2013 vợ chồng ông N và bà Phạm Thị N ngang nhiên lấy phần đất của bà cất nhà cho con là Nguyễn Thế L có diện tích theo đo đạc là 624,1m² tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Nay bà yêu cầu ông N và bà N di dời nhà trả lại cho bà phần diện tích 624,1m² đất.

Theo biên bản hòa giải ngày 21-10-2016 và và trong quá trình xét xử, bị đơn ông Nguyễn Quốc N trình bày:

Nguồn gốc đất của cha mẹ ông để lại đúng như bà L trình bày. Lúc cha mẹ còn sống có cho vợ chồng ông và Nguyễn Thanh S, mỗi người ½ phần đất tổng

diện tích 40.000m² tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Ông S không sử dụng mà giao cho bà L quản lý. Năm 1993, bà L làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông diện tích 7.000m². Năm 1999, ông mang thể chấp Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Trần Văn Thời để vay vốn.

Phần đất ông cất nhà cho con là Nguyễn Thế L thuộc phần đất của cha mẹ cho ông trước đây và việc cho đất chỉ nói miệng, không có làm giấy tờ. Ông không đồng ý di dời nhà trả đất cho bà L.

Theo biên bản hòa giải ngày 21-10-2016 và và trong quá trình xét xử, bị đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông N về nguồn gốc đất. Bà không đồng ý trả trả đất cho bà L.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 10-10-2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà là con ruột của hai cụ Nguyễn Thành B và Lê Thị H. Nguồn gốc đất của hai cụ để lại có diện tích 40.000m² tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Năm 1993 cha mẹ cho Nguyễn Quốc N 7.000m². Năm 2008, cụ H họp gia đình để lại toàn bộ phần đất cho Nguyễn Thị Mỹ L đứng tên quản lý để nuôi cụ H và thờ cúng ông bà.

Ông N ngang nhiên lấy đất của bà L đứng tên cất nhà cho con là Nguyễn Thế L là không đúng. Bà xác định không có liên quan và yêu cầu gì đến phần đất này. Do điều kiện đi lại khó khăn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 20-3-2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:

Theo biên bản họp gia đình ngày 04-8-2008, bà trực tiếp chứng kiến và ký tên. Nội dung biên bản giao toàn bộ phần đất có diện tích khoảng 35.000m² cho bà L đứng tên tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, trong đó có phần đất tranh chấp. Cha mẹ còn sống cho Nguyễn Quốc N phần đất 7.000m².

Phần đất tranh chấp của bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông N tự ý lấy đất cất nhà cho con là Nguyễn Thế L ở đến nay. Bà xác định không có liên quan và yêu cầu gì đối với phần đất này và xin xét xử vắng mặt.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 06-3-2017 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Di trình bày:

Nguồn gốc đất có tổng diện tích 4.000m² tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau của cha mẹ là Nguyễn Thành B và Lê Thị H. Khi cha bà còn sống có cho Nguyễn Hữu N phần đất 7.000m². Năm 2008 cụ H đứng ra họp gia đình có lập biên bản anh em thống nhất giao toàn bộ phần đất còn lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L quản lý, sử dụng và đứng tên, không phân chia thừa kế, kể cả phần đất tranh chấp. Ông N tự ý lấy đất cất nhà ở cho con là Nguyễn Thế L thuộc

đất của bà L đứng tên. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo hướng buộc ông N trả đất cho bà L. Bà xác định không có liên quan gì đến phần đất tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản hòa giải ngày 21-10-2017 và các lời khai trong quá trình xét xử, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị S, Nguyễn Phương Th thống nhất trình bày:

Cha mẹ là Nguyễn Thành B và Lê Thị H có cho con là Nguyễn Hữu N 6.000m² đất ruộng và 1.000m² đất vườn. Phần đất còn lại của bà Nguyễn Thị Mỹ L đứng tên và được cấp quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp của bà L, ông N cất nhà cho con là không đúng. Bà D, bà S và bà Th thống nhất yêu cầu của bà L, buộc ông N di dời nhà trả đất cho bà L và không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp này, yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 01-3-2017 và các lời khai trong quá trình xét xử, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh S trình bày:

Ông là con ruột của cụ B và cụ H và anh ruột của Nguyễn Thị Mỹ L và Nguyễn Hữu N. Hiện nay ông có gia đình và sinh sống tại phường 5, thành phố Cà Mau. Nguồn gốc đất tranh chấp của bà L đứng tên. Cha mẹ còn sống có cho vợ chồng Nghị 6 công đất ruộng 01 công đất vườn. Năm 2008 cụ H hợp gia đình giao toàn bộ đất còn lại cho bà L đứng tên và sử dụng để nuôi mẹ và thờ cúng ông bà. Phần đất tranh chấp là của bà L đứng tên. Ông không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp và xin xét xử vắng mặt.

Theo biên bản ghi lời khai ngày 01-3-2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Lúc sinh thời cụ B và cụ H có tạo được 10 người con, mất 01 người còn lại 09 người, khi cha còn sống có để lại di chúc miệng cho Ngh 7.000m² đất, sau khi cha chết, mẹ là Lê Thị H lập di chúc theo ý kiến cha, phần còn lại nhà vườn đất giao hết cho bà L quản lý, tôi không yêu cầu nhận thừa kế mà đồng ý giao cho bà L quản lý. Phần đất tranh chấp của bà L đứng tên. Bà không có yêu cầu gì đối với phần đất này và xin xét xử vắng mặt.

Theo biên bản hòa giải ngày 21-10-2017 và trong quá trình xét xử, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thế L trình bày:

Năm 2008 cha mẹ có cho anh phần đất vườn có diện tích theo đo đạc 624,1m² để cất nhà ở. Phần đất này của ông nội là Nguyễn Thành Bửu lúc còn sống cho cha mẹ anh. Trên đất có trồng tràm, bạch đàn và cây ăn trái. Anh L không đồng ý di dời nhà trả đất cho bà L.

Theo biên bản làm việc ngày 29-5-2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Tr trình bày:

Năm 2010 vợ chồng chị và anh Nguyễn Thế L được cha mẹ chồng cho phần đất đang tranh chấp để cất nhà ở. Mọi vấn đề có liên quan đến phần đất tranh chấp do chồng chị quyết định, chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:

Qua lời trình bày của bà L và ông N về nguồn gốc đất là đúng. Anh có nhận cổ phần đất của bà L với diện tích 07 công đất ruộng bằng 52 chỉ vàng 24K, không có thời hạn khi nào có vàng thì chuộc. Hiện nay, phần đất này ông N đã lấy canh tác. Bà L còn nợ anh 33 chỉ vàng 24k nhưng anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Bích A trình bày: Chị thống nhất với trình bày của anh Toàn, không có yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu N (Nguyễn Quốc Ngh) và bà Phạm Thị N di dời nhà trả cho nguyên đơn phần đất có diện tích 624,1m² tọa lạc tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Luật sư đồng ý diện tích đất tranh chấp 624,1m² thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn nhưng thấy rằng anh Nguyễn Thế L là con của bị đơn được cha cho đất cất nhà ở năm 2010, thuộc hộ nghèo không có đất ở. Trong khi đó nguyên đơn được cấp quyền sử dụng với diện tích 35.480m². Luật sư đề nghị giữ nguyên hiện trạng phần đất tranh chấp cho Nguyễn Thế L tiếp tục ở, bị đơn sẽ hoàn lại giá trị đất cho nguyên đơn theo kết luận định giá với số tiền 22.467.600 đồng. Trường hợp nguyên đơn không đồng ý thì yêu cầu nguyên đơn hoàn lại công sức bồi đắp là 15.000.000 đồng và hỗ trợ tiền di dời nhà là 20.000.000 đồng.

Bị đơn bị đơn ông Nguyễn Hữu N (Nguyễn Quốc Ngh) và Phạm Thị N và anh Nguyễn Thế L thống nhất ý kiến của Luật sư.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời phát biểu ý kiến như sau: Về việc chấp hành pháp luật trong tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả phần đất tranh chấp có diện tích 624,1m² theo đo đạc thực tế ngày 13-01-2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là có căn cứ. Do phần đất tranh chấp nằm trong quyền sử dụng đất của nguyên đơn nên buộc bị đơn và anh Nguyễn Thế L, chị Nguyễn Thị Tr di dời nhà trả đất cho nguyên đơn là phù hợp.

Về tài sản trên đất gồm có căn nhà của anh L và chị Tr và một số cây trồng nên buộc nguyên đơn hoàn lại giá trị cho bị đơn theo kết luận định giá.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả phần đất ruộng và vườn có tổng diện tích 6038,2m² là không được chấp nhận. Do nguyên đơn không có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung và dự nộp án phí theo quy định pháp luật. Nếu có tranh chấp thì nguyên đơn có quyền yêu cầu khởi kiện vụ án dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Di, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Phương Th, Nguyễn Thị Tr, Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời, Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam có yêu cầu xét xử vắng mặt. Nguyễn Văn T và Lê Thị Bích A đã được Tòa án thông báo, triệu tập xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Quan hệ pháp luật giữa các đương sự được xác định là tranh chấp quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp có diện tích theo đo đạc thực tế 624,1m² thuộc thửa số 138, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

[3] Về nội dung: Nguồn gốc đất theo nguyên đơn, bị đơn xác định của cụ Nguyễn Thành B và Lê Thị H đã qua đời để lại. Năm 2000 cụ H lập di chúc cho ông N phần đất 7.000m², trong đó 6.000m² đất ruộng và 1.000m² đất vườn và được cấp quyền sử dụng đất vào năm 1993; cho nguyên đơn 13.000m², trong đó 10.000m² đất ruộng và 3.000m² đất vườn, còn lại đất thờ cúng. Di chúc được chính quyền địa phương ký xác nhận. Ngày 08-11-2002 cụ H lập biên bản họp gia đình giao cho nguyên đơn đứng tên toàn bộ phần đất của cha mẹ. Ngày 04-8-2008 cụ H tiếp tục lập biên bản họp gia đình có các anh chị em ký tên giao toàn bộ phần đất của cha mẹ cho nguyên đơn quản lý và được cấp quyền sử dụng đất với tổng diện tích 35.480m² gồm hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 706007 diện tích đất trồng lúa gồm các thửa 78, 89, 351 và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 706006 diện tích 9.154m².

Năm 2013 giữa nguyên đơn với bị đơn phát sinh tranh chấp. Theo bị đơn cho rằng trước khi cụ B còn sống có cho bị đơn ½ phần đất của cha mẹ, bao gồm phần đất tranh chấp. Bị đơn xác định cho con là Nguyễn Thế L và Nguyễn Thị Tr cất nhà ở trên đất tranh chấp từ 2010 đến nay. Bị đơn đồng ý di dời nhà trả đất nhưng yêu cầu nguyên đơn phải hoàn lại công sức bồi đắp là 15.000.000 đồng và hỗ trợ tiền di dời nhà với số tiền 20.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn di dời nhà trả đất, không đồng ý bồi hoàn theo yêu cầu của bị đơn.

Xét thấy, Theo công văn số 2043 ngày 23-9-2015 của UBND huyện Trần Văn Thời xác định trình tự thủ tục đăng ký biến động và cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Mỹ L là đúng quy định. Theo kết quả đo đạc thực tế ngày 13-01-2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện

Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xác định phần đất tranh chấp có diện tích 624,1m² thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Ngoài ra, tại các biên bản làm việc với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị Di, Nguyễn Thị Bé T, Nguyễn Phương Th, Nguyễn Ngọc S, Nguyễn Thị D là anh chị em ruột của nguyên đơn và bị đơn đều xác định phần đất tranh chấp của nguyên đơn. Hơn nữa, tại phiên tòa Luật sư cũng như bị đơn thừa nhận việc này.

Vậy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả phần đất tranh chấp có diện tích 624,1m² tọa lạc tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau là có căn cứ, được chấp nhận.

Đối với phần đất tranh chấp, bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi hoàn công sức bồi đắp với số tiền 15.000.000 đồng. Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn xác định phần đất tranh chấp trước đây là vùng trũng thấp. Bị đơn chiếm đất cất nhà cho anh L và chị Tr từ năm 2010 đến nay gần 07 năm và có công sức bồi đắp như bị đơn trình bày là thực tế. Tuy nhiên, bị đơn yêu cầu nguyên đơn bồi hoàn công sức bồi đắp 15.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh. Hội đồng xét xử thấy cần điều chỉnh số tiền bị đơn yêu cầu được chấp nhận 10.000.000 đồng là phù hợp.

Về tài sản trên đất tranh chấp gồm: 02 căn nhà trước và sau; 12 cây dừa và 02 cây mận cho trái. Đối với 02 cây mận nguyên đơn và bị đơn xác định do bị đơn trồng nên buộc nguyên đơn hoàn lại giá trị cho bị đơn theo kết luận định giá với số tiền 414.000 đồng là phù hợp. Đối với 12 cây dừa, bị đơn xác định do cụ Bửu lúc còn sống trồng và thuộc phần đất của ai thì người đó được hưởng. Thực tế 12 cây dừa trồng trên phần đất của nguyên đơn nên giữ nguyên cho nguyên đơn quản lý, sử dụng. Đối với 02 căn nhà của anh L và chị Tr, Luật sư và bị đơn yêu cầu nguyên đơn hỗ trợ tiền di dời nhà là 20.000.000 đồng, nguyên đơn không đồng ý vì cho rằng tự bị đơn chiếm đất xây nhà cho con ở thì tự di dời. Thấy rằng, lẽ ra bị đơn phải tự di dời nhà để trả lại đất cho nguyên đơn do chiếm giữ đất không có căn cứ pháp luật theo quy định tại Điều 256, 260 Bộ luật Dân sự năm 2005. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử có xem xét hoàn cảnh gia đình của anh L và chị Tr thuộc diện hộ nghèo, không có đất ở và sản xuất. Hai căn nhà này được xây dựng bằng cây gỗ địa phương, máy lợp tol, vách lá nên khi tháo dỡ, di dời sẽ giảm giá trị căn nhà. Do đó Hội đồng xét xử thấy chấp nhận một phần yêu cầu của bị đơn, buộc nguyên đơn hỗ trợ di dời nhà cho anh L và chị Tr với số tiền 5.000.000 đồng là phù hợp.

Vậy, nguyên đơn phải có nghĩa vụ hoàn lại cho bị đơn tổng cộng là 15.414.000 đồng.

[4] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả phần đất ruộng và vườn có tổng diện tích 6.038,2m² tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau mà nguyên đơn đã cõ đất cho anh Nguyễn Văn T và chị Lê Thị Bích A, bị đơn đã chiếm canh tác. Xét thấy, trong quá trình xét xử nguyên đơn không có

đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung và dự nộp án phí theo quy định pháp luật nên không được chấp nhận. Nếu có tranh chấp thì nguyên đơn có quyền yêu cầu khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác. Anh T và chị A cũng không yêu cầu bị đơn trả đất đã nhận cố của nguyên đơn nên không xem xét.

[5] Đối với số vàng nguyên đơn cố đất cho anh T và chị A hiện nay bị đơn chiếm phần đất này để sản xuất, phía anh T và chị A không yêu cầu nguyên đơn hoàn trả là 33 chỉ vàng 24k nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[6] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 7.000m² thuộc thửa số 183, 187, tờ bản đồ số 06 tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau của bị đơn đã thế chấp tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Trần Văn Thời để vay vốn với số tiền 9.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía Ngân hàng không có yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Nếu có phát sinh tranh chấp, Ngân hàng sẽ khởi kiện thành một vụ án khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu 1.123.000 đồng (phần đất tranh chấp diện tích 624,1m² theo kết luận định giá là 22.467.600 đồng)

Nguyên đơn phải chịu 771.000 đồng.

- Về lệ phí đo đạc: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu 9.983.000 đồng lệ phí đo đạc và 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, tổng cộng 11.483.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ và các Điều 26, 35, 39, 143, 147, 157, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 256, 260 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/2/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2012/NQ – HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

2. **Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Hữu N (Nguyễn Quốc Ngh), bà Phạm Thị N và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thế L và chị Nguyễn Thị Tr phải di dời 02 căn nhà bằng cây gỗ địa phương, mái lợp tol, vách lá trả cho nguyên đơn phần đất tranh chấp có diện tích 624,1m² thuộc thửa số 138 tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại ấp BM, xã T, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, có tứ cận:

- Phía Đông giáp với phần đất Nguyễn Hữu N dài 30,1m
- Phía Tây giáp với phần đất bà Nguyễn Thị Mỹ L dài 36,1m

- Phía Nam giáp lộ xi măng ngang 21m
- Phía Bắc giáp với phần đất bà Nguyễn Thị Mỹ L ngang 19m

(Kèm theo bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất và Mảnh trích đo địa chính số 06-2017 ngày 173-01-2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời)

Buộc nguyên đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho bị đơn tiền hỗ trợ di dời nhà và công sức bồi đắp tổng cộng 15.414.000 đồng (Mười lăm triệu bốn trăm mười bốn nghìn đồng).

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn phải chịu 1.123.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu 771.000 đồng. Ngày 15-5-2013, nguyên đơn đã dự nộp 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 03929 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ, nguyên đơn phải nộp tiếp 271.000 đồng.

- Về lệ phí đo đạc: Buộc bị đơn phải hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 9.983.000 đồng lệ phí đo đạc và 1.500.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, tổng cộng 11.483.000 đồng.

Án xử sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn và anh Nguyễn Thế L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và xin vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Phòng NV-GĐKT (gửi Email);
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Hoàng Đắc